

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VY ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VY ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VY ANH TRADING AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110615743

3. Ngày thành lập: 26/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, Số 228 đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0941194366

Fax:

Email: congtyxaydungvyanh@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662

15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
17.	Khai thác quặng sắt	0710
18.	Dịch vụ đóng gói	8292
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
20.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Tư vấn bất động sản - Quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
21.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ kiến trúc	7110
23.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
24.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
25.	Cho thuê xe có động cơ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7710
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
27.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
28.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
29.	In ấn	1811
30.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
31.	Sao chép bản ghi các loại	1820
32.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
33.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
34.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
35.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
36.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
37.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
38.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931

39.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
41.	Vận tải đường ống	4940
42.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
43.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
44.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
45.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
46.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
49.	Bốc xếp hàng hóa	5224
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Dịch vụ logistics (Trừ vận tải hàng không)	5229
52.	Chuyển phát	5320
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Cơ sở lưu trú khác	5590
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
58.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
59.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
60.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
61.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7730
63.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

64.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
65.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
66.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
67.	Đại lý du lịch	7911
68.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế	7912
69.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
70.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
71.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
72.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
73.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
74.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
75.	Thu gom rác thải độc hại	3812
76.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
77.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
78.	Tái chế phế liệu	3830
79.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
80.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
81.	Xây dựng nhà không để ở	4102
82.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
83.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
84.	Xây dựng công trình điện	4221
85.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
86.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
87.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
88.	Xây dựng công trình thủy	4291
89.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
90.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
91.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
92.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
93.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
94.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN SỸ ANH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/10/2004 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027204009168

Ngày cấp: 28/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bái Uyên, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bái Uyên, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN SỸ ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/10/2004

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027204009168

Ngày cấp: 28/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bái Uyên, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bái Uyên, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội